

ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Số: 3195/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh mời các Quý nhà cung cấp có quan tâm, có khả năng cung cấp máy thận nhân tạo HDF Online tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo giá theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị Quý nhà cung cấp gửi file word/excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đính kèm đến email moichaogia@umc.edu.vn, duy.na2@umc.edu.vn và gửi bản giấy có đóng dấu về Phòng Vật tư thiết bị, Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh).

- Hồ sơ gửi kèm theo báo giá bao gồm các tài liệu sau:

+ Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có).

+ Catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác.

- Thời gian nhận báo giá: đến hết ngày 29 / 11 / 2021

- Điện thoại liên hệ: 028.39525392 (Ks. Nguyễn An Duy - Phòng Vật tư thiết bị).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (K18-190-naduy) (3).



KT. GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Tấn
Phó Giám đốc

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào giá số ..51.95.../BVĐHYD-VTTB ngày 11/11/2011)

TT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Máy thận nhân tạo HDF Online	Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm	Cái	2	



Handwritten signature or mark.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Kèm theo Thư mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB ngày../../..)

1. Máy thận nhân tạo HDF Online

I. YÊU CẦU CHUNG

- Thiết bị mới 100%. Sản xuất từ năm 2021 trở về sau.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương.
- Điện áp 220V, 50Hz.
- Nhà thầu dự thầu có giấy uỷ quyền bán hàng thỏa theo Thông tư 14/2020/TT-BYT.
- Thuộc phân nhóm thiết bị tối thiểu: nhóm 3.
- Môi trường hoạt động:
 - Nhiệt độ tối đa đến: ≥ 30 độ C
 - Độ ẩm tối đa đến: $\geq 75\%$.

II. YÊU CẦU CẤU HÌNH TỐI THIỂU

Máy thận nhân tạo HDF Online và bộ phụ kiện tiêu chuẩn cho 01 máy bao gồm:

1	Máy thận nhân tạo HDF Online			01	Cái
2.	Phụ kiện kèm theo gồm			01	Bộ
2.1.	Bộ dây nối với hệ thống nước RO	01	Bộ		
2.2.	Bộ dây nối với hệ thống nước thải	01	Bộ		
2.3.	Cây treo dịch truyền	01	Cái		
2.4.	Giá đỡ quả lọc	01	Cái		
2.5.	Que hút hoá chất tẩy trùng	01	Cái		
2.6.	Thẻ bệnh nhân	04	Cái		
2.7.	Màng lọc dịch siêu sạch	02	Cái		
3	Tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì (tài liệu kỹ thuật) tiếng Việt và tiếng Anh.			01	Bộ

III. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

- Có các tính năng tối thiểu:
 - + Đuổi khí ONLINE
 - + ONLINE bolus
 - + Trả máu ONLINE
 - + Tự động điều chỉnh lưu lượng dịch lọc phù hợp với lưu lượng dòng máu

- + Tự động điều chỉnh tốc độ dịch về 100/150 ml/phút trong chế độ chuẩn bị máy và trả máu về
- + Tự động bù dịch
- + Chương trình kiểm tra tự động
- + Chức năng khẩn cấp:
 - Dừng rút ký
 - Đo huyết áp bệnh nhân bằng thiết bị BPM
 - Tự động bolus dịch bù
 - Tự động giảm tốc độ bơm máu thành 50ml/phút
- Nước đầu vào:
 - + Áp lực đầu vào: $\leq 1.5 - \geq 6.0$ bar.
 - + Nhiệt độ: $\leq 5^{\circ}\text{C} - \geq 30^{\circ}\text{C}$
 - + Đầu ra tối đa cao: $\geq 1\text{m}$.
 - + Tính năng Flush: ngõ vào để rửa đoạn ống cấp nước
- Có cổng kết nối mạng LAN (RJ45)
- Màn hình LCD ≥ 15 inch, quay ≥ 3 hướng quanh trục.
- Có đầu đọc thẻ dùng đọc thẻ bệnh nhân, thẻ người sử dụng và thẻ của kỹ sư
- Có đèn báo hiệu được gắn sẵn trên màn hình.
- Khối dây máu bên ngoài
 - + Tự động quấn đoạn bơm máu vào bơm
 - + Bầu đo áp lực động mạch dạng vòm
 - + Có nắp bảo vệ hệ thống dây máu
 - + Có cảm biến rò rỉ cho hệ thống dây máu
 - + Bơm máu động mạch
 - Tốc độ bơm: ≤ 30 tới ≥ 600 ml/phút
 - Độ chính xác: $\pm \leq 10\%$
 - + Kiểm soát áp lực động mạch
 - Khoảng hiển thị: ≤ -300 mmHg tới $\geq +300$ mmHg
 - Độ chính xác: $\pm \leq 7$ mmHg
 - Dây cài đặt: ≥ 5 mmHg
 - + Kiểm soát áp lực tĩnh mạch
 - Khoảng hiển thị: ≤ -100 mmHg tới $\geq +500$ mmHg
 - Độ chính xác: $\pm \leq 7$ mmHg
 - Dây cài đặt: ≥ 5 mmHg
 - + Kiểm soát áp lực xuyên màng
 - Khoảng hiển thị: ≤ -100 mmHg tới $\geq +400$ mmHg

- Dây cài đặt: $\geq 5\text{mmHg}$
- + Có bộ phát hiện khí.
- + Bơm Heparin:
 - Lưu lượng truyền: $\leq 0,5 - \geq 10 \text{ ml/giờ}$
 - Bolus: $\leq 1 - \geq 20 \text{ ml}$.
 - Kích cỡ xy lanh tối thiểu có: 20/30 ml.
- Khối thủy lực
 - + Lựa chọn: $0 - \geq 1.000 \text{ ml/phút}$, bước chỉnh $\leq 100\text{mL}$
 - + Dòng tự động: Tự động điều chỉnh lưu lượng dịch theo lưu lượng máu
 - + Dòng tiết kiệm: Dòng dịch tiết kiệm cho chế độ HD/HDF là 100/150ml/phút trong khi chuẩn bị máy và trả máu cho bệnh nhân
 - + Nhiệt độ dịch: $\leq 34^{\circ}\text{C} - \geq 39^{\circ}\text{C}$
 - + Độ dẫn điện của dịch lọc: $\leq 13 - \geq 15 \text{ mS/cm}$
 - + Độ chính xác: $\pm \leq 0.1 \text{ mS/cm}$
 - + Nồng độ Na dịch lọc
 - Tỷ lệ 1+44, 1+34. Có thể thay đổi cho nhiều loại khác.
 - Khoảng thay đổi: ≤ 125 đến $\geq 150 \text{ mmol/l}$
 - + Nồng độ Bicarbonate
 - Tỷ lệ trộn mặc định 1 + 27.6, có thể điều chỉnh.
 - Khoảng thay đổi: $\leq 24 - \geq 40 \text{ mmol/l}$, bước cài đặt $\leq 0,5 \text{ mmol/l}$
 - + Chế độ ONLINE plus
 - Tốc độ bù dịch: 25 tới 600 ml/phút
 - Độ chính xác: $\pm 10 \%$.
 - Tự động bù: Bù theo lưu lượng máu
 - + Siêu lọc (UF)
 - Tốc độ rút ký: $\leq 0 - \geq 4.00 \text{ l/h}$
 - Độ chính xác: $\pm \leq 1 \%$.
 - Các thông số hiển thị : UF Goal, UF time, UF rate và UF volume (số ký cần rút , thời gian rút ký, tốc độ rút ký và số ký đã rút)
 - + Bộ phát hiện vỡ màng: Độ nhạy: $\leq 0.5 \text{ ml máu/ phút}$
 - + Theo dõi độ thanh thải trực tuyến (OCM)
 - OCM cho phép xác định được độ thanh thải trung bình ure hiệu quả, liều lọc máu và nồng độ muối trong huyết tương trong quá trình điều trị
 - Độ chính xác của độ thanh thải: $\pm \leq 6 \%$.
- Các chương trình rửa máy
 - + Rửa: khoảng 37 độ C, $\leq 600 - \geq 800\text{ml/phút}$



Handwritten signature

- + Rửa nóng (tái tuần hoàn) khoảng 85 độ C, $\leq 600 - \geq 800$ ml/phút
- + Rửa hóa chất (tái tuần hoàn): khoảng 37 độ C, $\leq 600 - \geq 800$ ml/phút
- + Tiệt trùng hóa chất nóng (tái tuần hoàn): khoảng 85 độ C, $\leq 600 - \geq 800$ ml/phút
- + Có thể lựa chọn nhiều chương trình phối hợp.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC:

- Thời gian bảo hành toàn hệ thống ≥ 12 tháng.
- Trong thời gian bảo hành, bảo trì định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, có bảng chi tiết thực hiện công tác bảo trì – bảo dưỡng.
- Cung cấp bảng liệt kê chi tiết danh mục phụ kiện của toàn hệ thống và danh mục vật tư tiêu hao cho thiết bị trong 1 lần hoạt động tiêu chuẩn.
- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật khi khách hàng có yêu cầu trong thời hạn ít nhất 10 năm. Báo giá chi tiết phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật và có cam kết không thay đổi giá trong thời hạn ít nhất là 5 năm sau bảo hành.
- Thời gian cung cấp hàng ≤ 3 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng.
- Cam kết cung cấp CO/CQ, tờ khai hải quan, đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì và hướng dẫn sửa chữa bản tiếng Việt và tiếng Anh khi giao hàng.
- Có kỹ sư của hãng sản xuất hoặc được đào tạo bởi hãng sản xuất tham gia lắp đặt, hướng dẫn đào tạo vận hành sử dụng.
- Khi thiết bị có sự cố, kỹ sư thuộc trung tâm bảo hành chính hãng hoặc thuộc chủ sở hữu thiết bị hợp pháp tại Việt Nam cam kết xử lý ghi nhận sự cố trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo.
- Địa điểm giao hàng và lắp đặt máy: tại đơn vị sử dụng - Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.